

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Vũ Thị Thanh Mai

VAI TRÒ TRƯỜNG HỌC TRONG TRỢ GIÚP TRẺ EM BỊ
NGƯỢC ĐÁI TẠI MỘT SỐ TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
TỈNH BẮC NINH

Chuyên ngành: Công tác xã hội

Mã số: 9760101.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ CÔNG TÁC XÃ HỘI

Hà Nội - 2026

**Công trình được hoàn thành tại: Khoa Xã hội học và
Công tác xã hội – Trường Đại học Khoa học Xã hội và
Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội**

Người hướng dẫn khoa học:

Hướng dẫn 1 : PGS. TS. Nguyễn Thị Như Trang

Hương dẫn 2: TS. Đặng Kim Khánh Ly

Phản biện: PGS.TS Nguyễn Đức Chiện – Viện Xã hội học và
tâm lý học – Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

Phản biện: PGS.TS Đoàn Thị Thanh Huyền – Học viện Phụ
nữ Việt Nam

Phản biện: TS. Nguyễn Đình Tuấn – Viện Nghiên cứu con
người, Gia đình và Giới – Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng cấp Đại học Quốc
gia chấm luận án tiến sĩ họp tại
vào hồi giờ ngày tháng năm 20...

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Trung tâm Thông tin - Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Lý do lựa chọn đề tài nghiên cứu

Theo Tổ chức Y tế thế giới (WHO, 2024), ngược đãi trẻ em (NĐTE) bao gồm mọi hành vi đối xử tồi tệ về thể chất, tinh thần, tình dục, bỏ mặc, bóc lột gây tổn hại đến sức khỏe, nhân phẩm và sự phát triển của trẻ. Luật Trẻ em số 102/2016/QH13 của Việt Nam cũng xác định “*xâm hại trẻ em*” và “*bạo lực trẻ em*” là các hành vi gây tổn hại về thể chất, tinh thần, danh dự, nhân phẩm dưới nhiều hình thức khác nhau (Quốc hội, 2016).

Ở giai đoạn vị thành niên, nhu cầu tự chủ gia tăng trong khi năng lực tự bảo vệ chưa hoàn thiện, khiến trẻ dễ bị tổn thương trước các tác động tiêu cực (Sawyer và cộng sự, 2012; Steinberg, 2014). Những trải nghiệm ngược đãi trong giai đoạn này để lại những hậu quả cả về sức khỏe thể chất, tinh thần và hành vi của trẻ ở tuổi trưởng thành (Felitti và cộng sự, 1998).

Kết quả nghiên cứu tổng quan đã chỉ ra NĐTE là vấn đề toàn cầu, đặc biệt ở các quốc gia thu nhập thấp và trung bình (Lee & Kim, 2023; Niu và cộng sự, 2024). Tại Việt Nam, NĐTE diễn ra phổ biến và đa dạng, có đến 74% trẻ có ít nhất một trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu và trên 10% từng bị XHTD (Tran và cộng sự, 2018; Le và cộng sự, 2022).

Trường học đóng vai trò quan trọng trong hệ thống bảo vệ trẻ em nhờ có cơ hội tiếp xúc và có mối quan hệ thường xuyên đối với trẻ. Kết quả nghiên cứu trên thế giới cũng cho thấy các can thiệp dựa vào trường học thương mang lại hiệu quả tron trợ giúp trẻ em. Song hiệu quả này phụ thuộc nhiều vào năng lực của trường học về lĩnh vực này.

Tại Việt Nam, khung pháp lý về bảo vệ trẻ em trong trường học tương đối hoàn thiện. Tuy nhiên, việc thực hiện còn hạn chế do thiếu nguồn lực, năng lực chuyên môn và bằng chứng khoa học về các can thiệp dựa vào nhà trường.

Bắc Ninh là tỉnh chịu tác động mạnh của quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa và di cư lao động, làm gia tăng các biến đổi về cấu trúc gia đình và quan hệ xã hội, qua đó tiềm ẩn nguy cơ NĐTE. Trong khi, hệ thống dịch vụ bảo vệ trẻ em tại cộng đồng còn nhiều hạn chế về nguồn lực và năng lực can thiệp. Do đó, bối cảnh này đặt ra yêu cầu cấp thiết về các nghiên cứu dựa trên bằng chứng tại địa phương nhằm làm rõ thực trạng và đề xuất giải pháp phù hợp.

Từ yêu cầu nêu trên, nghiên cứu sinh đã lựa chọn đề tài “Vai trò trường học trong trợ giúp trẻ em bị ngược đãi tại một số trường Trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh”, nhằm nghiên cứu thực trạng các hình thức NĐTE và vai trò trường học trong trợ giúp trẻ em bị ngược đãi.

2. Mục đích nghiên cứu

Luận án nhằm xây dựng cơ sở lý luận và thực tiễn về thực trạng NĐTE và vai trò của trường học trợ giúp trẻ em bị ngược đãi. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đã mô tả thực trạng và các yếu tố liên quan đến các hình thức NĐTE; phân tích vai trò của trường học và các yếu tố ảnh hưởng đến vai trò trường học trong trợ giúp trẻ em bị ngược đãi tại một số trường THCS tỉnh Bắc Ninh; đồng thời thực nghiệm chương trình tập huấn và đề xuất giải pháp nhằm duy trì hiệu quả chương trình tập huấn nâng cao năng lực về vai trò của trường học trong trợ giúp trẻ em bị ngược đãi. Kết quả nghiên cứu là căn cứ nhằm đưa ra khuyến nghị nhằm tăng cường hiệu quả vai trò của trường học trong hệ thống

bảo vệ trẻ em nói chung và trong trợ giúp trẻ em bị ngược đãi nói riêng tại tỉnh Bắc Ninh.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1 Đối tượng nghiên cứu

Vai trò trường học trong trợ giúp trẻ em bị ngược đãi

3.2 Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nội dung : Luận án nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về NĐTE và vai trò của trường học trong trợ giúp trẻ em bị ngược đãi tại một số trường THCS tỉnh Bắc Ninh. Nghiên cứu phân tích thực trạng các hình thức và các yếu tố liên quan NĐTE; vai trò và các yếu tố ảnh hưởng đến vai trò trường học trong trợ giúp trẻ em bị ngược đãi; đồng thời thực nghiệm chương trình tập huấn nâng cao năng lực trường học trong trợ giúp trẻ em bị ngược đãi. Trên cơ sở đó, luận án đề xuất giải pháp và cung cấp bằng chứng khoa học phục vụ hoạch định chính sách và thực hành CTXH trong lĩnh vực bảo vệ trẻ em.

Phạm vi không gian: Nghiên cứu được triển khai tại một số trường THCS tỉnh Bắc Ninh.

Phạm vi thời gian: Từ 2022 - 2025

4. Câu hỏi nghiên cứu

a. Thực trạng các hình thức NĐTE và các yếu tố liên quan NĐTE tại một số trường THCS trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh hiện nay như thế nào?

- b. Vai trò của trường học trong trợ giúp trẻ em bị ngược đãi được thể hiện như thế nào trên các phương diện: phòng ngừa; phát hiện và báo cáo; can thiệp, trợ giúp; và phục hồi, phát triển?
- c. Những yếu tố nào ảnh hưởng đến việc thực hiện vai trò của trường học trong trợ giúp trẻ em bị ngược đãi?
- d. Chương trình tập huấn nhằm nâng cao vai trò của trường học trong trợ giúp trẻ em bị ngược đãi đạt được hiệu quả như thế nào?
- e. Từ kết quả chương trình thực nghiệm có những giải pháp nào nhằm duy trì và phát triển chương trình tập huấn nâng cao vai trò của trường học?
- f. Từ kết quả nghiên cứu có những khuyến nghị nào nhằm tăng cường vai trò trường học trong trợ giúp trẻ em bị ngược đãi?

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án

5.1 Ý nghĩa khoa học của luận án

Luận án góp phần bổ sung và phát triển cơ sở lý luận về bảo vệ trẻ em và CTXH học thông qua việc tích hợp các tiếp cận lý thuyết như hệ thống sinh thái, hệ thống xã hội, tiếp cận hệ thống trong bảo vệ trẻ em và khung KAP. Đồng thời, luận án làm rõ cách tiếp cận CTXH trường học trong trợ giúp trẻ em bị ngược đãi, qua bốn vai trò bao gồm: phòng ngừa; phát hiện và báo cáo; can thiệp, trợ giúp; và phục hồi, phát triển. Bên cạnh đó, nghiên cứu cung cấp bằng chứng khoa học về các hình thức NĐTE, các yếu tố liên quan và các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện vai trò của trường học trong trợ giúp trẻ em bị ngược đãi. Qua đó, luận án góp phần làm rõ cách tiếp cận khoa học đối với vấn đề này từ góc độ CTXH trường học.

5.2 Ý nghĩa thực tiễn của luận án

Luận án cung cấp bằng chứng thực tiễn về thực trạng ngược đãi trẻ em, vai trò của nhà trường và các yếu tố ảnh hưởng đến việc

thực hiện vai trò này. Kết quả thực nghiệm cho thấy chương trình tập huấn có hiệu quả trong nâng cao năng lực của giáo viên, nhân viên trường học, qua đó tăng cường tính chủ động của nhà trường trong trợ giúp trẻ em bị ngược đãi. Đồng thời, luận án đề xuất khuyến nghị nâng cao hiệu quả vai trò của nhà trường, đề xuất chương trình can thiệp khả thi, có thể nhân rộng. Luận án là tài liệu tham khảo hữu ích cho đào tạo, nghiên cứu và thực hành, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ bảo vệ trẻ em.

6. Kết cấu Luận án

Ngoài Phần mở đầu; Kết luận và Khuyến nghị; Tài liệu tham khảo; Danh mục các công trình công bố và Phụ lục. Nội dung Luận án được trình bày trong 5 chương: Chương 1. Tổng quan vấn đề nghiên cứu; Chương 2. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu ; Chương 3. Thực trạng các hình thức NĐTE và vai trò trường học trong trợ giúp trẻ em bị ngược đãi; Chương 4. Thực nghiệm chương trình tập huấn và đánh giá kết quả thực nghiệm trong nâng cao vai trò trường học trong trợ giúp trẻ em bị ngược đãi.

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1 Các nghiên cứu về thực trạng các hình thức NĐTE trên thế giới và tại Việt Nam.

Kết quả nghiên cứu tổng quan cho thấy năm hình thức NĐTE đều phổ biến và đáng lo ngại. Tuy nhiên, các nghiên cứu về vấn đề này còn hạn chế, đặc biệt là ở các quốc gia thu nhập thấp và trung bình. Sự khác biệt về phương pháp, công cụ đo lường và bối cảnh văn hóa - xã hội hạn chế khả năng so sánh, đánh giá vấn đề. Vì vậy, cần nghiên cứu dựa trên bằng chứng khoa học để đề xuất các giải pháp phù hợp trong phòng ngừa và can thiệp NĐTE.

1.2 Nghiên cứu về vai trò trường học trong trợ giúp trẻ em bị ngược đãi trên thế giới và tại Việt Nam

Kết quả nghiên cứu đã khẳng định trường học có vai trò quan trọng trong trợ giúp trẻ em bị ngược đãi. Tuy nhiên, việc thực hiện vai trò của trường học còn hạn chế. Nguyên nhân xuất phát từ nhận thức và phản ứng nghề nghiệp của giáo viên, năng lực chuyên môn, điều kiện tổ chức và nguồn lực, cùng với cơ chế, chính sách và bối cảnh văn hóa nhà trường. Do đó, cần triển khai các nghiên cứu và can thiệp có hệ thống nhằm nâng cao hiệu quả vai trò của trường học trong trợ giúp trẻ em bị ngược đãi.

Tiểu kết chương 1

Chương 1 đã tổng hợp và phân tích các nghiên cứu trong và ngoài nước về vấn đề NĐTE và vai trò của trường học trong trợ giúp trẻ em bị ngược đãi. Kết quả cho thấy còn tồn tại khoảng trống nghiên cứu và khẳng định sự cần thiết phải triển khai nghiên cứu về chủ đề này trong bối cảnh thực tiễn tại Việt Nam.

CHƯƠNG 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Các khái niệm, công cụ

2.1.1 Khái niệm ngược đãi trẻ em và các hình thức ngược đãi trẻ em

Trong phạm vi nghiên cứu này sử dụng thuật ngữ *ngược đãi trẻ em (child maltreatment)* của WHO như một khái niệm tổng hợp, phù hợp với hệ thống phân loại quốc tế, đồng thời đối chiếu và vận dụng các quy định của Luật Trẻ em năm 2016 và thực hành của Tổng đài Quốc gia bảo vệ trẻ em 111 nhằm bảo đảm tính thống nhất khái niệm và tính khả thi trong bối cảnh Việt Nam. Nghiên cứu ngược đãi trẻ em bao gồm năm hình thức chính (1) bạo lực thể chất, (2) bạo lực

tinh thần, (3) xâm hại tình dục, (4) bỏ bê/sao nhãng, và (5) trẻ em chứng kiến bạo lực gia đình.

Tại Việt Nam, thuật ngữ “*chứng kiến BLGD*” chưa được nghiên cứu rộng như một hình thức NĐTE. Trong nghiên cứu này, trẻ em chứng kiến BLGD được hiểu là việc trẻ trực tiếp hoặc gián tiếp chứng kiến hành vi bạo lực giữa các thành viên gia đình hoặc giữa cha mẹ và bạn đời gây tổn hại về thể chất, tinh thần, tình dục.

Trẻ em bị ngược đãi

Trẻ em bị ngược đãi được hiểu là những trẻ đã trải nghiệm ít nhất một trong các hình thức ngược đãi theo cách tiếp cận của Tổ chức Y tế Thế giới, bao gồm: bạo lực thể chất, bạo lực tinh thần, xâm hại tình dục, bỏ bê/sao nhãng và chứng kiến bạo lực gia đình.

2.1.2 Bảo vệ trẻ em và trợ giúp trẻ em

Bảo vệ trẻ em là tổng thể các hoạt động, chính sách và dịch vụ do Nhà nước, gia đình, nhà trường và các tổ chức xã hội triển khai nhằm phòng ngừa, phát hiện, can thiệp và hỗ trợ trẻ em trước, trong và sau khi bị tổn hại, qua đó bảo đảm quyền được sống an toàn và phát triển toàn diện, phù hợp với chuẩn mực quốc tế và pháp luật Việt Nam.

Trợ giúp trẻ em được là sự trợ giúp có tổ chức và phối hợp liên ngành, được thực hiện thông qua hệ thống, dịch vụ bảo vệ trẻ em, nhằm bảo đảm an toàn, hỗ trợ tâm lý, xã hội và tạo điều kiện phục hồi, phát triển cho trẻ em bị ngược đãi hoặc có nguy cơ bị ngược đãi.

2.1.3 Vai trò trường học trong trợ giúp trẻ em bị ngược đãi

Trong khuôn khổ nghiên cứu này, “*vai trò của trường học trong trợ giúp trẻ em bị ngược đãi*” được hiểu là tổng thể các chức năng, nhiệm vụ và hoạt động mà nhà trường thực hiện nhằm phòng ngừa, phát hiện, báo cáo, can thiệp, trợ giúp và hỗ trợ phục hồi đối với học sinh đã trải nghiệm hoặc có nguy cơ bị ngược đãi. Vai trò này được

thực hiện thông qua các hoạt động giáo dục, hỗ trợ tâm lý – xã hội và phối hợp liên ngành giữa nhà trường với gia đình, cộng đồng và các cơ quan trong hệ thống bảo vệ trẻ em. Cụ thể, bao gồm các vai trò: phòng ngừa; phát hiện, báo cáo; can thiệp, trợ giúp; và phục hồi - phát triển.

2.2 Các lý thuyết vận dụng

2.2.1 Lý thuyết hệ thống sinh thái

Vận dụng lý thuyết hệ thống sinh thái để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến nguy cơ NĐTE. Trên cơ sở đó, làm rõ vai trò trung gian của trường học trong hệ thống bảo vệ trẻ em. Theo cách tiếp cận này, hiệu quả trợ giúp trẻ bị ngược đãi phụ thuộc vào sự phối hợp liên ngành giữa các cấp trong hệ thống bảo vệ trẻ em.

2.2.2 Lý thuyết hệ thống xã hội

Luận án vận dụng Lý thuyết hệ thống xã hội để lý giải vị trí của trường học như một mắt xích quan trọng trong hệ thống bảo vệ trẻ em đa tầng. Trên cơ sở đó, vai trò này được cụ thể hóa thành các hoạt động thiết thực, góp phần duy trì ổn định hệ thống xã hội và bảo đảm quyền được bảo vệ, chăm sóc và giáo dục của trẻ em.

2.2.3 Tiếp cận hệ thống trong bảo vệ trẻ em

Tiếp cận hệ thống trong bảo vệ trẻ em giúp phân tích toàn diện các vai trò của trường học trong phòng ngừa, phát hiện, báo cáo, can thiệp và hỗ trợ phục hồi trẻ em bị ngược đãi. Đồng thời, cách tiếp cận này làm rõ mối liên kết giữa nhà trường với gia đình, cộng đồng và các cơ quan chức năng trong trợ giúp trẻ em bị ngược đãi

2.2.4 Khung phân tích Kiến thức - Thái độ - Thực hành

Khung phân tích KAP cung cấp cơ sở lý luận và thực chứng để đánh giá hiệu quả chương trình thực nghiệm. Khung phân tích giúp lý giải mối liên hệ giữa việc nâng cao kiến thức chuyên môn với sự thay

đổi về kỹ năng, thái độ và hiệu quả thực hành trong trợ giúp trẻ em bị ngược đãi trong môi trường học đường.

2.3 Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, luận án đã sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu như: tổng quan tài liệu, phân tích dữ liệu thứ cấp, nghiên cứu định tính (phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm), Phương pháp bán thực nghiệm tiền kiểm-hậu kiểm có đo lặp sau thời gian.

2.4 Đặc điểm địa bàn nghiên cứu và khách thể nghiên cứu

2.4.1 Đặc điểm địa bàn nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện tại tỉnh Bắc Ninh, địa phương có tốc độ đô thị hóa và công nghiệp hóa nhanh, vừa tạo cơ hội việc làm vừa có tác động làm biến đổi cơ cấu dân cư, mô hình gia đình và quan hệ xã hội. Bên cạnh đó, hệ thống giáo dục của tỉnh phát triển đồng bộ, giữ vai trò thiết chế quan trọng trong hệ thống bảo vệ trẻ em và có tiềm năng trợ giúp trẻ em bị ngược đãi. 02 trường học được chọn từ Phường Bắc Giang, phường Đa Mai (đại diện cho khu vực đô thị); và 02 trường học được chọn từ xã Gia Bình, xã Hiệp Hòa (đại diện khu vực nông thôn) được lựa chọn nhằm phản ánh sự khác biệt về điều kiện kinh tế - xã hội và năng lực bảo vệ trẻ em.

2.4.2 Đặc điểm khách thể tham gia nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện với 1.205 học sinh THCS, có sự cân bằng về giới tính và khối lớp (mỗi nhóm khoảng 50%). Học sinh chủ yếu sống ở khu vực thành thị (62,2%), đa số sống cùng bố mẹ (97,1%) và có học lực khá, giỏi (85,4%). Phần lớn phụ huynh có trình độ từ trung cấp trở lên và việc làm ổn định, cho thấy mẫu nghiên cứu có nền tảng gia đình và kinh tế tương đối vững.

Tiểu kết chương 2

Chương 2 trình bày việc vận dụng các lý thuyết và cách tiếp cận làm nền tảng cho nghiên cứu các hình thức ngược đãi trẻ em và vai trò của trường học trong trợ giúp trẻ em bị ngược đãi, đồng thời làm rõ và thao tác hóa các khái niệm và phương pháp nghiên cứu. Nghiên cứu được thực hiện trên mẫu 1.205 học sinh một số trường THCS tỉnh Bắc Ninh, với cơ cấu giới tính và phân bố tương đối cân bằng.

CHƯƠNG 3. THỰC TRẠNG CÁC HÌNH THỨC NGƯỢC ĐÁI TRẺ EM VÀ VAI TRÒ TRƯỜNG HỌC TRONG TRỢ GIÚP TRẺ EM BỊ NGƯỢC ĐÁI

3.1 Thực trạng các hình thức ngược đãi trẻ em

Khảo sát 1.205 học sinh THCS tại Bắc Giang cho thấy NĐTE vẫn diễn ra với nhiều hình thức, phổ biến nhất là bạo lực thể chất (41,3%), tiếp đến là chứng kiến bạo lực gia đình (17,3%), bạo lực tinh thần (16,7%), xâm hại tình dục (10,3%) và bỏ bê (9,0%). Kết quả cho thấy cần tăng cường phối hợp giữa gia đình, nhà trường và hệ thống bảo vệ trẻ em để phòng ngừa và can thiệp hiệu quả.

3.2 Các yếu tố liên quan đến nguy cơ trẻ em bị ngược đãi theo từng hình thức

Kết quả nghiên cứu ghi nhận một số yếu tố cá nhân, bối cảnh gia đình có liên quan đến nguy cơ trẻ em bị ngược đãi như kỳ vọng học tập, môi trường gia đình có người nghiện hoặc sống cùng với người đã từng đi tù, và sự thiếu gắn kết trong quan hệ gia đình.

3.3 Thực trạng vai trò trường học trong trợ giúp trẻ em bị ngược đãi

3.3.1 Vai trò phòng ngừa

Kết quả nghiên cứu ghi nhận nhà trường đã có những nỗ lực nhất định trong hoạt động phòng ngừa. Tuy nhiên, các hoạt động này

còn thiếu tính bền vững và hệ thống, chủ yếu mang tính ngắn hạn, rời rạc do hạn chế về nguồn lực, chuyên môn và sự phối hợp chưa đồng bộ.

3.3.2 Vai trò phát hiện và báo cáo

Tường học có vai trò quan trọng trong phát hiện và báo cáo học sinh có nguy cơ bị ngược đãi. Tuy nhiên, các hoạt động này chủ yếu dựa vào kinh nghiệm cá nhân, thiếu quy trình, kế hoạch và nguồn lực nhân sự, tài chính để triển khai hiệu quả.

3.3.3 Vai trò can thiệp, trợ giúp

Giáo viên và nhân viên trường học đã thực hiện một số can thiệp ban đầu kịp thời đối với học sinh bị ngược đãi. Tuy nhiên, các can thiệp này cũng chủ yếu dựa vào kinh nghiệm cá nhân, thiếu quy trình và kỹ thuật chuyên môn. Sự can thiệp trợ giúp có phối hợp liên ngành mới chỉ được triển khai trong các trường hợp phức tạp, nghiêm trọng.

3.3.3 Vai trò phục hồi, phát triển

Trường học đã có những nỗ lực hỗ trợ học sinh tái hòa nhập sau ngược đãi thông qua môi trường học tập an toàn và hỗ trợ tinh thần, học tập ban đầu. Tuy nhiên, các hỗ trợ này chủ yếu diễn ra trong phạm vi nội bộ và thiếu kết nối liên ngành, làm hạn chế vai trò phục hồi và hỗ trợ phát triển lâu dài của nhà trường.

3.4 Một số yếu tố ảnh hưởng thực hiện vai trò trường học trong trợ giúp trẻ em bị ngược đãi

Nhận thức và phản ứng nghề nghiệp trong xử lý các trường hợp trẻ em bị ngược đãi

Nhận thức của giáo viên và nhân viên trường học về ngược đãi trẻ em ảnh hưởng trực tiếp đến cách họ nhận định và phản ứng trong quá trình trợ giúp các trường hợp nghi ngờ, đặc biệt trong bối cảnh

thông tin về các trường hợp xảy ra thường chưa đầy đủ và khó kiểm chứng. Khi thiếu căn cứ xác thực và quy trình hỗ trợ rõ ràng, cùng với lo ngại về các rủi ro phát sinh từ phản ứng của phụ huynh và môi trường xã hội, giáo viên có xu hướng tiếp cận thận trọng, dẫn đến việc trì hoãn hoặc hạn chế các quyết định báo cáo và can thiệp trợ giúp.

Năng lực thực hành chuyên môn trợ giúp trẻ em bị ngược đãi

Kết quả nghiên cứu cho thấy, năng lực thực hành chuyên môn của giáo viên và nhân viên trường học ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả trợ giúp trẻ em bị ngược đãi, quyết định khả năng phát hiện, đánh giá và can thiệp. Khi năng lực còn hạn chế, hoạt động trợ giúp thiếu tính hệ thống, chủ yếu dựa vào kinh nghiệm cá nhân và gặp khó khăn trong phối hợp liên ngành.

Điều kiện tổ chức và nguồn lực

Điều kiện tổ chức và nguồn lực của nhà trường, như sự thiếu rõ ràng của quy trình nội bộ, hạn chế về nhân lực chuyên trách và nguồn lực tài chính chưa ổn định ảnh hưởng đến việc triển khai các hoạt động phát hiện, báo cáo và phối hợp trợ giúp trẻ em bị ngược đãi. Các hoạt động trợ giúp trong nhà trường chủ yếu dừng ở mức phát hiện và xử lý ban đầu, đồng thời còn hạn chế về tính chuyên nghiệp, liên tục và sự kết nối liên ngành trong hệ thống bảo vệ trẻ em. Điều này, phần nào ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện vai trò của nhà trường.

Cơ chế, chính sách và bối cảnh văn hóa nhà trường

Ảnh hưởng từ cơ chế, chính sách và bối cảnh văn hóa nhà trường như sự chưa cụ thể của quy trình phát hiện, báo cáo và phối hợp liên ngành, cơ chế bảo vệ người báo cáo có ảnh hưởng đến việc thực hiện vai trò trợ giúp trẻ em bị ngược đãi trong nhà trường. Các trường hợp nghi ngờ thường có xu hướng được xử lý trong phạm vi nội bộ

trước khi kết nối với hệ thống bảo vệ trẻ em, cho thấy vai trò trung gian của nhà trường trong quá trình trợ giúp chưa được phát huy đầy đủ.

Tiểu kết chương 3

Chương 3 làm rõ thực trạng và các yếu tố liên quan NĐTE; vai trò của trường học và yếu tố ảnh hưởng đến vai trò trường học trong trợ giúp trẻ em bị ngược đãi tại một số trường THCS ở tỉnh Bắc Ninh. Kết quả cho thấy trường học giữ vai trò quan trọng trong trợ giúp trẻ em bị ngược đãi, nhưng việc thực hiện còn hạn chế do thiếu tính hệ thống, nguồn lực, chuyên môn và cơ chế phối hợp liên ngành.

CHƯƠNG 4. THỰC NGHIỆM CHƯƠNG TRÌNH TẬP HUẤN VÀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG ĐẾN VAI TRÒ TRƯỜNG HỌC TRONG TRỢ GIÚP TRẺ EM BỊ NGƯỢC ĐÃI

4.1.1 Cơ sở lý thuyết

Chương trình thực nghiệm được xây dựng dựa trên sự tích hợp giữa mô hình Hệ thống sinh thái xã hội (Bronfenbrenner, 1979) và mô hình Kiến thức - Thái độ - Hành vi (KAP), nhằm đảm bảo tính phù hợp bối cảnh và khả năng đánh giá hiệu quả chương trình can thiệp.

4.1.2 Cơ sở lý luận về công tác xã hội trường học

Trường học đóng vai trò quan trọng trong trợ giúp trẻ em bị ngược đãi. Kết quả nghiên cứu cho thấy năng lực của giáo viên và nhân viên trường học còn hạn chế để thực hiện tốt các vai trò. Do đó, chương trình thực nghiệm nhằm nâng cao năng lực của trường học trong trợ giúp trẻ em bị ngược đãi. Đồng thời, đánh giá hiệu quả của chương trình can thiệp tiếp cận theo lĩnh vực CTXH trường học tại Việt Nam.

4.1.3 Cơ sở và tính khả thi của mô hình tập huấn nâng cao năng lực cho giáo viên và nhân viên trường học

Khóa tập huấn được tổ chức trong một ngày, tập trung vào các nội dung cốt lõi gồm các hình thức NĐTE, dấu hiệu nhận biết, kỹ năng sơ cứu tâm lý và vai trò của trường học trong trợ giúp trẻ em bị ngược đãi. Thời lượng chương trình thực nghiệm được thiết kế phù hợp với đặc thù công việc của giáo viên và nhân viên trường học. Cách thức tổ chức này nhằm bảo đảm tính khả thi, sử dụng nguồn lực hiệu quả và có khả năng nhân rộng trong hệ thống các cơ sở giáo dục tại Việt Nam.

4.2. Mục tiêu thực nghiệm

Sau kết thúc chương trình thực nghiệm, và sau 2 tháng triển khai, tối thiểu 80% giáo viên và nhân viên đạt $\geq 80\%$ điểm về: (1) kiến thức nhận biết các hình thức NĐTE; (2) kỹ năng sơ cứu tâm lý; và (3) vai trò của trường học trong trợ giúp trẻ em bị ngược đãi.

4.3. Khách thể, phạm vi và thời gian thực nghiệm

Chương trình thực nghiệm được tổ chức ngày 16/5/2025 tại Trường THCS TTT với 10 người tham gia là thành viên ban giám hiệu, giáo viên và cán bộ Đoàn - Đội tham gia. Đối tượng tham gia lớp tập huấn có ít nhất 2 năm kinh nghiệm, trực tiếp làm việc với học sinh và cam kết tham gia đầy đủ, áp dụng kết quả tập huấn vào thực tiễn.

4.4. Nội dung và phương pháp thực nghiệm

4.4.1. Nội dung chương trình tập huấn thực nghiệm

Chương trình tập huấn tập trung trang bị cho giáo viên và nhân viên trường học kiến thức về các hình thức, dấu hiệu nhận diện ngược đãi trẻ em, kỹ năng sơ cứu tâm lý ban đầu và vai trò, trách nhiệm của nhà trường trong trợ giúp trẻ em bị ngược đãi.

4.4.2. Phương pháp thực nghiệm

Chương trình thực nghiệm được thiết kế theo phương pháp đào tạo lấy người học làm trung tâm, giảng viên và học viên là các chủ thể của quá trình học tập. Giảng viên cung cấp kiến thức và kỹ năng

nền tảng, cốt lõi. Đồng thời, giảng viên định hướng và thúc đẩy sự tham gia chủ động của học viên thông qua thảo luận, chia sẻ kinh nghiệm và phân tích tình huống thực tiễn tại trường học. Nội dung của chương trình học được triển khai bằng các phương pháp tương tác như thảo luận nhóm, phân tích tình huống, đóng vai và sử dụng phương tiện trực quan nhằm nâng cao khả năng vận dụng vào thực tiễn.

4.5. Công cụ đo lường và lượng giá

Thiết kế nghiên cứu tiền thực nghiệm với một nhóm đối tượng tham gia tập huấn và đánh giá trước – sau can thiệp, với ba thời điểm đo: T1 (trước can thiệp), T2 (ngay sau can thiệp) và T3 (sau 2 tháng), nhằm đánh giá sự thay đổi và mức độ hiệu quả của chương trình tập huấn.

4.5.2 Thang đo và cách tính điểm

Các công cụ gồm bốn thang đo: (1) Kiến thức nhận biết các hình thức NĐTE (24 câu, chia theo 5 loại hình: BLTC, BLTT, bỏ bê/xao nhãng, XHTD, chứng kiến BLGD); (2) Kiến thức nhận biết dấu hiệu nguy cơ ngược đãi (11 câu); (3) Kiến thức về kỹ năng sơ cứu tâm lý cho trẻ bị ngược đãi (16 câu); và (4) Kiến thức về vai trò của trường học trong trợ giúp trẻ bị ngược đãi (15 câu). Tất cả các thang đều sử dụng dạng câu hỏi “Đúng/Sai”, chấm 1 điểm cho câu trả lời đúng và 0 điểm cho câu sai; tổng điểm phản ánh mức độ hiểu biết, kỹ năng và nhận thức chính xác của giáo viên, nhân viên về từng nội dung đo lường.

4.5.3 Phân tích dữ liệu

Dữ liệu được phân tích bằng phần mềm SPSS 26.0 nhằm đánh giá sự thay đổi kiến thức và kỹ năng của giáo viên qua ba thời điểm: trước can thiệp (T0), ngay sau can thiệp (T1) và sau 2 tháng (T2). Các thống kê mô tả (Mean, SD) và kiểm định Repeated Measures ANOVA

được sử dụng để xác định sự khác biệt có ý nghĩa thống kê (*p-value*) và mức độ tác động (*effect size*). Tỷ lệ người đạt chuẩn ($\geq 80\%$ điểm kiến thức đúng) được tổng hợp để minh họa mức độ cải thiện và duy trì kết quả sau tập huấn.

4.5.4 Bổ sung dữ liệu định tính

Dữ liệu định tính được thu thập qua phỏng vấn sâu tình huống giả định với giáo viên và nhân viên sau tập huấn, nhằm làm rõ sự thay đổi về kiến thức, kỹ năng và thực hành trong nhận diện, hỗ trợ trẻ bị ngược đãi. Phân tích được tiến hành theo phương pháp mã hóa chủ đề dựa trên khung KAP, nhằm bổ trợ và làm sâu kết quả định lượng, hoàn thiện chương trình can thiệp.

4.6 Kết quả thực nghiệm

4.6.1 Đặc điểm nhân khẩu học và kinh nghiệm nghề nghiệp của đối tượng tham gia thực nghiệm

Mười giáo viên tham gia chương trình thực nghiệm đều là nữ (100%), độ tuổi trung bình 39,5; tất cả đều đã kết hôn. Về kinh nghiệm nghề nghiệp, 20% người tham gia có kinh nghiệm dưới 10 năm, 40% có kinh nghiệm từ 10-19 năm và 40% có kinh nghiệm trên 20 năm.

4.6.2 Sự thay đổi điểm trung bình kiến thức của đối tượng qua ba thời điểm

Kết quả cho thấy kiến thức và kỹ năng sơ cứu tâm lý của người tham gia được cải thiện rõ rệt sau tập huấn và duy trì sau 2 tháng, với sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p = 0,004$) và mức hiệu quả tác động trung bình cao (*effect size* = 0,746). Đồng thời, kiến thức về vai trò của trường học trong trợ giúp trẻ em bị ngược đãi cũng tăng sau tập huấn và được duy trì sau 2 tháng, với sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p = 0,01$) và mức hiệu quả tác động mạnh (*effect size* = 0,825).

Kiến thức nhận biết các hình thức NĐTE và kiến thức nhận biết dấu hiệu nguy cơ ngược đãi cho thấy xu hướng được cải thiện sau tập huấn và được duy trì sau 2 tháng, với mức tác động từ trung bình đến trung bình thấp (*effect size* = 0,40 và 0,424), song sự khác biệt chưa đạt ý nghĩa thống kê ($p = 0,13$ và $p = 0,11$).

4.6.3 Sự thay đổi kiến thức, thái độ và ý định thực hành về vai trò của trường học trong trợ giúp trẻ em bị ngược đãi

Phân tích dữ liệu định tính sau tập huấn thông qua tình huống giả định về trường hợp trẻ K – một trường hợp trải qua nhiều hình thức ngược đãi – được sử dụng nhằm xem xét sự thay đổi bước đầu trong năng lực trợ giúp trẻ em của giáo viên. Kết quả cho thấy giáo viên có sự cải thiện ban đầu trong khả năng nhận biết và phát hiện các dấu hiệu, hình thức ngược đãi; kiến thức, kỹ năng sơ cứu tâm lý; và nhận thức về vai trò của nhà trường trong trợ giúp trẻ em bị ngược đãi. Những kết quả này gợi ý tiềm năng của việc phát triển và mở rộng các chương trình can thiệp dựa vào trường học nhằm tăng cường năng lực trợ giúp trẻ em trong môi trường giáo dục.

4.7 Đề xuất giải pháp duy trì và phát triển chương trình tập huấn nâng cao vai trò của trường học trong trợ giúp trẻ em bị ngược đãi

4.7.1 Cơ sở để đề xuất giải pháp

Kết quả nghiên cứu khẳng định chương trình tập huấn theo mô hình KAP có hiệu quả trong việc cải thiện kiến thức của giáo viên, đặc biệt về vai trò và dấu hiệu nhận biết ngược đãi trẻ em. Tuy nhiên, tác động tới thái độ và thực hành còn hạn chế. Do đó, cần có giải pháp cho chương trình được nhân rộng phát triển toàn diện và bền vững hơn.

4.7.2 Nguyên tắc xây dựng giải pháp

Luận án đề xuất 5 nguyên tắc chính đó là: tính khả thi và gắn với thực tiễn Việt Nam, lấy trẻ em làm trung tâm, dựa trên bằng chứng khoa học, bảo đảm tính liên ngành và tính bền vững.

4.7.3 Nội dung giải pháp đề xuất

Luận án đề xuất ba nhóm giải pháp trọng tâm nhằm nâng cao hiệu quả trợ giúp trẻ em bị ngược đãi trong trường học, bao gồm: xây dựng tài liệu thực hành thân thiện gắn kiến thức với hành động; triển khai tập huấn định kỳ đa giai đoạn, chú trọng kỹ năng thực hành và khung pháp lý hiện hành; và thiết lập cơ chế giám sát, phản tư chuyên môn và hỗ trợ bền vững trong nhà trường.

Tiểu kết chương 4

Chương 4 trình bày chương trình can thiệp với bốn nội dung cốt lõi, hướng tới xây dựng mô hình đáp ứng có cấu trúc, dựa trên kiến thức chuẩn hóa, thực hành tình huống và phối hợp liên ngành trong CTXH trường học. Kết quả thực nghiệm cho thấy chương trình cải thiện đáng kể kiến thức và sự tự tin của giáo viên, đồng thời làm rõ vai trò của nhà trường như một thiết chế trung gian trong hệ thống bảo vệ trẻ em. Tuy nhiên, một số hạn chế về cơ chế pháp lý, nguồn lực và giám sát sau đào tạo vẫn còn tồn tại, đòi hỏi hoàn thiện chính sách và tăng cường hỗ trợ chuyên môn để bảo đảm tính bền vững của mô hình.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

Luận án đã nghiên cứu toàn diện về thực trạng các hình thức NĐTE và vai trò của trường học trong công tác trợ giúp trẻ em bị ngược đãi; đồng thời nghiên cứu tiến hành thực nghiệm và đánh giá hiệu quả chương trình tập huấn nhằm nâng cao vai trò của nhà trường trong lĩnh vực này tại một trường THCS ở tỉnh Bắc Ninh. Kết quả nghiên cứu cho thấy NĐTE vẫn là một vấn đề tồn tại phổ biến trong

nhóm trẻ em được khảo sát, trong đó nhiều trẻ phải trải qua một hoặc đồng thời nhiều hình thức ngược đãi trong quá trình phát triển. Các hình thức NĐTE được ghi nhận trong nghiên cứu bao gồm bạo lực thể chất, bạo lực tâm lý, xâm hại tình dục, bỏ bê/xao nhãng và việc chứng kiến bạo lực gia đình, phản ánh tính chất đa dạng và phức tạp của tình trạng NĐTE có thể phải đối mặt trong quá trình phát triển. Kết quả nghiên cứu cũng đã chỉ ra các hình thức NĐTE liên quan đến nhiều yếu tố khác nhau, từ đặc điểm cá nhân của trẻ, bối cảnh gia đình đến môi trường cộng đồng và nhà trường. Điều này phản ánh tính chất phức tạp của vấn đề và đòi hỏi cách tiếp cận toàn diện trong phòng ngừa và can thiệp.

Đặc biệt, kết quả nghiên cứu đã khẳng định trường học giữ vai trò trung gian quan trọng và có lợi thế tiếp cận sớm và trợ giúp trẻ em bị ngược đãi. Tuy nhiên, việc thực hiện các vai trò này trong thực tiễn còn chưa đầy đủ và chưa đạt hiệu quả như yêu cầu đặt ra. Cụ thể, hoạt động phòng ngừa còn rời rạc, ngắn hạn và thiếu sự tham gia của gia đình; việc phát hiện, báo cáo mang tính thụ động, trong khi học sinh ít chia sẻ do rào cản tâm lý; hoạt động can thiệp chủ yếu dừng ở hỗ trợ ban đầu và thiên về xử lý nội bộ, thiếu kết nối với dịch vụ chuyên môn; còn hoạt động phục hồi và phát triển chưa có tính hệ thống, thiếu bền vững và hạn chế trong liên kết với các nguồn lực hỗ trợ dài hạn. Việc thực hiện vai trò của nhà trường chịu ảnh hưởng bởi nhiều rào cản, bao gồm hạn chế về nhận thức, phản ứng nghề nghiệp và năng lực chuyên môn của đội ngũ giáo viên. Đồng thời, các vai trò này còn bị chi phối bởi sự thiếu hụt nhân sự, nguồn lực hay sự chưa cụ thể của cơ chế, chính sách và văn hóa “*xử lý nội bộ*” của nhà trường. Điều này đã làm

giảm chất lượng và hiệu quả của các hoạt động trợ giúp trẻ em bị ngược đãi.

Kết quả thực nghiệm cho thấy chương trình tập huấn theo mô hình KAP đã nâng cao rõ rệt và bền vững về năng lực của giáo viên, đặc biệt về kiến thức và kỹ năng chuyên môn như sơ cứu tâm lý. Can thiệp cũng thúc đẩy sự chuyển biến trong tư duy, thái độ nghề nghiệp, từ cách tiếp cận xử lý nội bộ sang phối hợp hệ thống và tuân thủ quy trình bảo vệ trẻ em. Tuy nhiên, tính bền vững của kết quả vẫn chịu ảnh hưởng bởi các rào cản mang tính hệ thống như thiếu nhân lực chuyên trách, quá tải công việc và hạn chế trong cơ chế hỗ trợ, giám sát chuyên môn.

Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất các giải pháp đồng bộ nhằm duy trì và nhân rộng hiệu quả can thiệp, bao gồm chuẩn hóa công cụ thực hành, tăng cường giám sát nội bộ và thúc đẩy phối hợp liên ngành. Nhìn chung, khi được trang bị đầy đủ năng lực và hỗ trợ phù hợp, nhà trường có thể trở thành một mắt xích hiệu quả trong hệ thống bảo vệ trẻ em, song cần được củng cố thông qua đào tạo định kỳ và hoàn thiện cơ chế thực thi trong thực tiễn.

2. Khuyến nghị

Trên cơ sở tổng hợp các kết quả nghiên cứu, luận án cho thấy việc phát huy vai trò của trường học trong bảo vệ và trợ giúp trẻ em bị ngược đãi cần được triển khai thông qua các giải pháp đồng bộ, tác động ở nhiều cấp độ quản lý và thực hành. Trên tinh thần đó, luận án đề xuất hệ thống khuyến nghị nhằm bảo đảm tính khả thi, bền vững và tính hệ thống, tập trung vào năm nhóm chủ thể: Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, chính quyền cấp xã/phường và các trường trung học cơ sở.

Đối với Bộ Y tế

Trên cơ sở chức năng quản lý nhà nước thống nhất về lĩnh vực trẻ em, việc phát huy vai trò điều phối liên ngành của Bộ Y tế là điều kiện then chốt nhằm bảo đảm tính đồng bộ và hiệu quả của hệ thống bảo vệ trẻ em trong thực tiễn. Việc chuẩn hóa các quy trình nghiệp vụ bảo vệ và trợ giúp trẻ em bị ngược đãi theo hướng liên ngành và đa ngành cần được ưu tiên triển khai. Trong đó, xác định rõ trường học là một thiết chế trung gian chính thức với vai trò phát hiện và báo cáo ban đầu. Quy trình này cần bảo đảm sự thống nhất về chuyên môn, tránh tình trạng xử lý rời rạc giữa các hệ thống.

Bên cạnh đó, việc ban hành các hướng dẫn liên ngành phù hợp với mô hình chính quyền hai cấp là cần thiết. Thông qua sự phối hợp giữa Bộ Y tế với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Công an và các cơ quan liên quan, cần làm rõ các khâu tiếp nhận thông tin, đánh giá mức độ nguy cơ, kết nối, chuyển tuyến và theo dõi sau can thiệp. Qua đó khắc phục tình trạng các trường hợp trẻ em bị ngược đãi được phát hiện nhưng không được xử lý đến cùng do thiếu đầu mối phối hợp. Đồng thời, cần xác lập rõ đầu mối chuyên môn về trẻ em tại Sở Y tế và Trạm Y tế cấp xã với chức năng hỗ trợ quy trình, cách thức can thiệp trợ giúp, tư vấn chuyên môn cho nhà trường góp phần tăng tính chủ động và giảm áp lực can thiệp, xử lý cho cơ sở giáo dục.

Bộ Giáo dục và Đào tạo

Dựa trên các quy định pháp lý hiện hành, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần tiếp tục hoàn thiện khung chính sách theo hướng cụ thể hóa vai trò của nhà trường trong trợ giúp trẻ em bị ngược đãi, bảo đảm tính khả thi, phù hợp với điều kiện của cơ sở giáo dục và có thể triển khai, giám sát trong thực tế. Theo đó, cần xây dựng và ban hành quy trình trợ giúp theo cơ chế phối hợp liên ngành, được thiết kế phù hợp với

điều kiện và chức năng của cơ sở giáo dục. Quy trình này cần được chuẩn hóa ở cấp quốc gia, với các bước rõ ràng từ tiếp nhận thông tin, đánh giá nguy cơ, lập kế hoạch, phối hợp can thiệp, đến giám sát, lượng giá và kết thúc trợ giúp đối với các trường hợp trẻ em bị ngược đãi. Đồng thời, việc làm rõ và chuẩn hóa các vai trò của nhà trường trong phòng ngừa, phát hiện, báo cáo, phối hợp can thiệp và hỗ trợ phục hồi, phát triển trẻ em cần được thực hiện trên cơ sở tăng cường cơ chế phối hợp giữa ngành giáo dục và hệ thống bảo vệ trẻ em. Điều này góp phần làm rõ trách nhiệm pháp lý, thẩm quyền xử lý và nguyên tắc bảo mật thông tin, qua đó giảm tâm lý e ngại, né tránh trách nhiệm và tăng tính chủ động của nhà trường.

Bên cạnh đó, năng lực thực hành và việc sử dụng các công cụ chuyên môn của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trường học cần chuẩn hóa. Trên cơ sở các tài liệu và hướng dẫn hiện hành về tư vấn tâm lý học đường và công tác xã hội trường học, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần rà soát, tích hợp và cụ thể hóa các yêu cầu về năng lực bảo vệ trẻ em, trong đó trọng tâm là xác định các năng lực cốt lõi như nhận diện dấu hiệu ngược đãi, phân loại mức độ nguy cơ, kỹ năng sơ cứu tâm lý ban đầu và năng lực kết nối, phối hợp liên ngành trong trợ giúp trẻ em bị ngược đãi. Các năng lực này cần được tích hợp bắt buộc vào chương trình bồi dưỡng thường xuyên nhằm chuẩn hóa việc sử dụng công cụ thực hành và giảm sự phụ thuộc vào kinh nghiệm cá nhân.

Đồng thời, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần thiết lập các điều kiện bảo đảm và cơ chế giám sát việc thực thi chính sách ở cấp cơ sở. Việc triển khai cần được thực hiện trên cơ sở phối hợp với các bộ, ngành liên quan nhằm bảo đảm nguồn lực tài chính ổn định cho công tác bảo vệ trẻ em trong nhà trường, bao gồm kinh phí đào tạo, tổ chức các hoạt

động hỗ trợ và giám sát chuyên môn. Bên cạnh đó, cần quy định cụ thể về điều kiện cơ sở vật chất, đặc biệt là việc bố trí không gian tư vấn và công tác xã hội, bảo đảm tính riêng tư và an toàn cho học sinh. Chính sách cần được triển khai theo lộ trình phù hợp, ưu tiên thí điểm tại các địa bàn có nguy cơ cao, kèm theo cơ chế đánh giá độc lập dựa trên các chỉ số kết quả trước khi nhân rộng trên phạm vi toàn quốc.

Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã/phường

UBND cấp xã/phường giữ vai trò nòng cốt trong tổ chức thực thi và điều phối liên ngành công tác bảo vệ trẻ em. Hoạt động này được triển khai trên cơ sở định hướng và hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế và Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhằm chuyển hóa chính sách thành hành động phù hợp với điều kiện địa phương.

UBND cấp xã/phường cần chủ trì cơ chế phối hợp liên ngành tại chỗ giữa trạm y tế, trường học, công an và các tổ chức xã hội nhằm bảo đảm việc tiếp nhận, xử lý và can thiệp các trường hợp trẻ em bị ngược đãi được thực hiện thống nhất, liên tục và đúng pháp luật.

Bên cạnh đó, UBND cấp xã/phường cần bảo đảm nguồn lực thiết yếu và phân công Trạm Y tế xã làm đầu mối chuyên môn hỗ trợ nhà trường. Đồng thời, nội dung bảo vệ và phòng, chống xâm hại trẻ em cần được lồng ghép vào kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội hàng năm nhằm tăng cường trách nhiệm giải trình và duy trì nguồn lực dài hạn.

Trường Trung học cơ sở

Nhà trường

Trên cơ sở các định hướng chính sách từ cấp trung ương, ngành và địa phương, các trường THCS cần cụ thể hóa thành quy trình và cơ chế vận hành rõ ràng, thống nhất và khả thi, phù hợp với điều

kiện thực tiễn của nhà trường, nhằm bảo đảm triển khai hiệu quả trong thực tế.

Trước hết, nhà trường cần xây dựng và triển khai quy trình nội bộ thống nhất về bảo vệ và trợ giúp học sinh bị ngược đãi, trong đó quy định rõ các bước từ nhận diện, tiếp nhận và báo cáo thông tin, đến kết nối dịch vụ, phối hợp can thiệp và theo dõi quá trình hỗ trợ. Quy trình cần xác định rõ đầu mối chịu trách nhiệm, thời hạn xử lý và cách thức ghi nhận, lưu trữ thông tin, nhằm bảo đảm tính thống nhất và khả thi trong thực hiện, đồng thời giúp giáo viên thực hiện báo cáo như một trách nhiệm nghề nghiệp, hạn chế xử lý mang tính cá nhân.

Bên cạnh đó, nhà trường cần thiết lập cơ chế giám sát và hỗ trợ chuyên môn nội bộ, thông qua các nhóm nòng cốt gồm Ban giám hiệu, cán bộ phụ trách, nhân viên công tác xã hội/tư vấn học đường và giáo viên, nhằm hướng dẫn thực hành, hỗ trợ các trường hợp phức tạp và tăng cường phối hợp với các dịch vụ liên ngành tại địa phương.

Nhà trường cần thiết lập phối hợp liên ngành với y tế, công an và các tổ chức xã hội tại địa phương để xử lý các trường hợp vượt quá khả năng, và bảo đảm hỗ trợ liên tục cho học sinh. Đồng thời, cần **bổ** trí nguồn lực và xây dựng môi trường an toàn, như tăng cường nhân lực tư vấn/tâm lý, sinh hoạt chuyên môn định kỳ về bảo vệ trẻ em, và lồng ghép tiêu chí này vào đánh giá, thi đua của nhà trường.

Giáo viên và nhân viên nhà trường

Trong hệ thống bảo vệ trẻ em, đội ngũ giáo viên và nhân viên trường học giữ vai trò trực tiếp trong phát hiện sớm, sơ cứu tâm lý ban đầu, báo cáo và phối hợp trợ giúp học sinh. Vì vậy, cần tăng cường năng lực thực hành, sự tự tin nghề nghiệp và khả năng thích ứng tâm lý trong quá trình thực hiện nhiệm vụ cho đội ngũ này.

Giáo viên cần được tập huấn kỹ năng sơ cứu tâm lý ban đầu, kỹ năng hỏi – ghi nhận thông tin từ trẻ, và sử dụng biểu mẫu chuẩn trong báo cáo, chuyển gửi. Điều này giúp chuyển từ phản ứng mang tính cá nhân sang ứng phó có quy trình, an toàn và nhất quán.

Bên cạnh đào tạo, cần duy trì giám sát và hỗ trợ chuyên môn định kỳ. Đồng thời, xây dựng văn hóa nhà trường khuyến khích báo cáo, học hỏi từ thực tiễn và hỗ trợ đồng nghiệp, coi sai sót là cơ hội cải thiện. Cách tiếp cận này góp phần nâng cao chất lượng thực hành và tăng cường sự chủ động của đội ngũ trong trợ giúp học sinh bị ngược đãi.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Vu Thi Thanh Mai, Nguyen Thi Nhu Trang, Le Minh Thi, Nguyen Thanh Huong, Vu Anh Quan, Dang Kim Khanh Ly (2024), “Obstacles to detecting and reporting child maltreatment incidents in schools: Qualitative research conducted at certain secondary schools in the Bac Giang province”, *The Second International Conference on the Issues of Social Sciences and Humanities*, Vietnam National University Press, Hanoi, pp. 201–211.
2. Vu Thi Thanh Mai, Dang Kim Khanh Ly, Nguyen Thi Nhu Trang, Le Minh Thi, Nguyen Thanh Huong (2025), “Child maltreatment disclosure in Asian countries: A scoping review”, *The Third International Conference on the Issues of Social Sciences and Humanities*, Vietnam National University Press, Hanoi, Vol. 2, pp. 950–964.